

QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN TỰ NHIÊN

Giảng viên: Nguyễn Thị Kim Dung
Bộ môn: Sinh Thái - Sinh học Tiến hóa
Email: ntkdung@hcmus.ed.vn

Một số mô hình quản lý rừng và ĐDSH

1. Tập trung (Classical or top-down approach)
2. Dựa vào thị trường (Neo-liberal or market-based approach)
3. Hòa hòa giữa phát triển và bảo tồn (populist approach)
4. Mang tính thích nghi (adaptive co-management, governance)

| | Tập trung | Dựa vào thị trường | Hài hòa giữa phát triển và bảo tồn | Mang tính thích nghi |
|----------------------|---|---|--|--|
| Nguồn gốc | Cổ điển nhất (1900, 1920 - 1950) | World Bank, 1990 - 1995 | Brundtland Commission 1980s | Sen, Nielsen, Berkes (1996, nay) |
| Nền tảng | Giám sát chặt chẽ | Thị trường tạo động cơ, động lực cho bảo tồn | Lồng ghép bảo tồn với phát triển | Hợp tác giữa nhà nước và người dân |
| | Đánh trọng các nguyên tắc để đạt hiệu quả kinh tế | Tài trợ, thuế, hệ thống giá cả, hệ thống sở hữu tư nhân | Tăng năng lực địa phương | Chia sẻ quyền lực và trách nhiệm |
| | Quản lý thông qua khoa học, hành chính, thủ tục | | | |
| Người dân địa phương | Gây thiệt hại cho môi trường | Tăng lợi nhuận từ sử dụng tài nguyên | Sự tham gia là chìa khóa cho phát triển bền vững | Được tăng cường năng lực thông qua tham gia và hợp tác |
| | Luật tục không được xem xét (không khoa học, không logic) | Hạn chế quyền của người dân khi tư hữu hóa tài nguyên | Người dân địa phương đóng vai trò quan trọng, được tài trợ sinh kế | |
| | Đi giới hạn sự tham gia | | | |

Quản lý rừng và ĐDSH thông qua các Thỏa thuận/Quy chế

- Mục tiêu: Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thành **lựa chọn khả thi** đối với người sử dụng tài nguyên
 - **Lợi ích** các bên cần rõ ràng
 - **Hệ sinh thái** và **loài nguy cấp** được bảo vệ

Quản lý rừng và ĐDSH thông qua các Thỏa thuận/Quy chế

- **Cụ thể hóa** những hoạt động bảo tồn người sử dụng tài nguyên **cam kết** thực hiện và những **lợi ích** họ có được
 - Hoạt động bảo tồn: **giải quyết các mối đe dọa** đối với đa dạng sinh học
 - **Lợi ích**: **đền bù chi phí cơ hội** cho công việc bảo tồn
 - **Giám sát**: thẩm tra việc thực hiện hoạt động bảo tồn và xử lý những hoạt động không thực hiện

Các bước xây dựng và thực hiện Thỏa thuận

1. Phân tích hiện trạng
2. Thương lượng
3. Thiết kế thỏa thuận
4. Triển khai
5. Tài chính bền vững

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- **Bản đồ** địa bàn
 - Tình hình sử dụng đất
 - Vị trí các mối đe dọa
 - Các mâu thuẫn, xung đột
- **Ma trận** phân tích và đánh giá hướng giải quyết

| Vấn đề | Kết quả | Thuận lợi | Khó khăn |
|---|---------|-----------|----------|
| 1. Ưu tiên sinh học | | | |
| 2. Mối đe dọa đối với đa dạng sinh học | | | |
| 3. Năng lực của người sử dụng tài nguyên với tư cách là đối tác bảo tồn | | | |
| 3. Quyền về tài nguyên | | | |
| 4. Bối cảnh pháp luật | | | |
| 5. Bối cảnh chính sách | | | |
| 6. Năng lực của bên thực hiện | | | |
| 7. Các bên liên quan và phân tích mâu thuẫn | | | |
| 8. Chi phí dự án | | | |
| 9. Cơ hội tài chính | | | |

Nguồn: Conservation International, 2016

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- Những **ưu tiên** về sinh học, sinh thái, môi trường
- Những **đe dọa** tới đa dạng sinh học
 - Đe dọa chính và khó khăn trong giải quyết các mối đe dọa
- **Năng lực** của người sử dụng tài nguyên
 - Mức độ quan tâm đến thỏa thuận
 - Hứng thú đối với bảo tồn
 - Truyền thống – luật tục
 - Hiệu quả của cơ cấu ra quyết định
 - Năng lực thực thi quyền
 - Năng lực thực hiện hoạt động bảo tồn

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- **Quyền** về tài nguyên: rất quan trọng
 - Quyền hợp pháp
 - Có thể có quyền này thông qua thương lượng
 - Vấn đề phát sinh xung quanh quyền
- **Bối cảnh** luật pháp
 - Luật pháp hỗ trợ đạt mục tiêu
 - Luật sở hữu của những người sử dụng tài nguyên có khả năng thực thi
 - Mối quan hệ giữa hệ thống luật pháp chính thức và không chính thức

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- Bối cảnh **chính sách**
 - Các chính sách thuận lợi
 - Các chính sách không thuận lợi
- **Năng lực tổ chức thực hiện**
 - Quan hệ với cộng đồng
 - Năng lực thực hiện
 - Các bên tham gia khác

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- Phân tích **các bên liên quan và mâu thuẫn**
 - Hợp và hội thảo với các đối tác
 - Lãnh đạo không chính thức và hệ thống ra quyết định không chính thức
 - Bản đồ “mối quan hệ”
 - Bản đồ “mâu thuẫn”
- **Chi phí**
 - Thiết kế
 - Triển khai
 - Hỗ trợ kỹ thuật
 - Hoạt động gây quỹ đảm bảo tài chính bền vững

Bước 1. Phân tích hiện trạng

- Tài chính

- Nguồn tài chính hiện tại và các nguồn tiềm năng hỗ trợ

- Hồ sơ

- Tình hình sử dụng đất và tài nguyên
- Vị trí các mối đe dọa, mâu thuẫn và xung đột

Bước 2. Thương lượng

- Chuẩn bị và trình bày **ý tưởng thỏa thuận bảo tồn** với các bên sử dụng tài nguyên
- Đề ra các **quy tắc cơ bản** trong thiết kế thỏa thuận
- **Đàm phán** các nội dung chính trong thỏa thuận

Bước 3. Thiết kế thỏa thuận

- Những thành phần của một thỏa thuận (luật hóa)
 - Cam kết bảo tồn thiên nhiên
 - Những lợi ích mà người sử dụng tài nguyên nhận được
 - Giám sát việc tuân thủ thỏa thuận
 - Hình thức xử lý trong các trường hợp không đáp ứng cam kết
- Các đánh giá bổ sung
 - Đánh giá năng lực
 - Dự toán chi phí

Bước 4. Triển khai

- **Giai đoạn đầu**

- Người có đủ **năng lực và sự tận tâm**
- Đảm bảo có **sự tham gia** của tất cả các bên
- Đảm bảo có người chịu **trách nhiệm giám sát** thỏa thuận
- Thu thập **thông tin cơ sở** về đa dạng sinh học và kinh tế xã hội

Bước 4. Triển khai

- **Giai đoạn thứ hai** (6 tháng đầu tiên)
 - Xác định **ranh giới** và cấm mốc: đặt biển báo, biển cấm
 - Thông tin: đảm bảo tất cả các bên liên quan **biết rõ và hiểu** các nội dung thỏa thuận
- **Giai đoạn thứ ba** (tháng thứ 6 đến 12)
 - Đánh giá tiến độ có sự tham gia: xác định **vấn đề nảy sinh, giải quyết mâu thuẫn** trước khi quá phức tạp
 - Phát triển **chiến lược gây quỹ** lâu dài và chuẩn bị cho việc đàm phán lại

Bước 4. Triển khai

- **Kết thúc năm đầu tiên**

- **Giám sát được**

- Kết quả của việc **bảo tồn**
 - Những **xu hướng kinh tế xã hội**
 - Sự **tuân thủ thỏa thuận** của các bên

- **Những lưu ý**

- Sự tham gia trong giám sát đa dạng sinh học
 - Tạo được **việc làm**
 - Tiết kiệm **chi phí** thu thập số liệu
 - Người dân được tăng cường **năng lực**, kiến thức, lòng tự hào
 - Việc **giám sát** cần tập trung vào số lượng loài và chất lượng môi trường sống

Bước 4. Triển khai

- Đo lường những **thay đổi về điều kiện kinh tế xã hội**
 - Sự tham gia là cần thiết để đảm bảo tính minh bạch và khách quan
 - Các chỉ số cần quan tâm
 - **Nhận thức/hiểu biết** về thỏa thuận (luật lệ, lợi ích và thời gian thực hiện
 - Mức độ **hài lòng** đối với thỏa thuận
 - Nhận thức và **thái độ đối với công tác bảo tồn**
 - Nhận thức của cộng đồng về những thay đổi do thỏa thuận tạo ra
 - Hiệu quả của những **lợi ích** từ thỏa thuận (sản xuất...)
 - Những thay đổi **kinh tế xã hội rộng lớn** (thu nhập, giáo dục, y tế...)
 - Hiệu quả của các **quy trình và tổ chức ra quyết định** (sự minh bạch, sự tham gia....)

Bước 5. Tài chính bền vững

- Quỹ ủy thác
- Chi trả dịch vụ sinh thái
- Đền bù thiệt hại
- Sản phẩm do người sử dụng tài nguyên sản xuất và bán cho các công ty sản sàng trả “chi phí xanh”
- Phát triển cộng đồng và tiếp thị sản phẩm

Bài tập Nhóm

Khi nhận nhiệm vụ mới với cương vị “Trưởng Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên A”, Anh/Chị hãy vận dụng kiến thức quản trị, thiết kế các công việc cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm và quyền hạn của mình.